Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 44

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ VÂN BÁN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với QL.70B, QL.32C tỉnh Phú Thọ đi Yên Bái	Giáp địa giới hành chính xã Tiên Lương (xã Minh Thắng cũ)	Hết địa giới hành chính xã Vân Bán (xã Tùng Khê cũ)	4.800	2.600	1.900	2.000	1.100	800	1.600	900	600
2	Đường tỉnh lộ 321C	Giáp địa giới hành chính xã Cẩm Khê (xã Đồng Cam cũ)	Hết thửa đất nhà bà Hà Thị Vân	4.100	2.300	1.600	1.600	900	700	1.200	700	500
3		Giáp thửa đất nhà bà Hà Thị Vân	Hết trụ sở Đảng ủy xã Văn Bán	5.000	2.700	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
4		Trụ sở Đảng ủy xã Văn Bán	Hết trạm Y tế xã Tam Sơn cũ	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
5		Trạm Y tế xã Tam Sơn cũ	Hết nhà bà Tâm	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
6		Giáp nhà bà Tâm	Giáp xã Tiên Lương cũ	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
7	Đường ĐH47	Giáp TL.321C	Giáp xã Tùng Khê cũ	5.000	2.700	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
8		Trạm y tế	Hết đất nhà ông Hà Việt Thắng	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
9		Nhà ông Thủy Đoàn (khu Nương Sơn)	Nhà ông Bình (khu Nương Sơn)	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
10	Đoạn đường huyện Hương Lung đi Văn Bán (ĐT 313B cũ) thuộc địa phận xã Tùng Khê	Giáp xã Cẩm Khê (xã Cấp Dẫn cũ)	Hết đất ông Vi (khu Cây Da) kết nối đường Liên Vùng (đường ĐH 48)	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
11	Đường liên xã	Giáp địa giới hành chính xã Cẩm Khê (xã Cấp Dẫn cũ)	Hết trung tâm Y tế xã Tùng Khê cũ	5.800	3.200	2.300	2.300	1.300	900	1.700	1.000	700
12		Trung tâm Y tế xã Tùng Khê cũ (tiếp giáp nhà ông Xuân Anh) (khu Đoàn Kết)	Hết địa phận xã Tùng Khê cũ, khu Quyết Thắng	5.000	2.700	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
13	Đất hai bên đường liên thôn, liên xóm (đường bê tông 5m)	Giáp Tỉnh lộ 321C	Khu Gò Chàm (giáp nhà ông Sâm khu Đền Thượng)	1.300	720	520	520	290	210	390	220	160
14		Ngã ba đường rẽ trụ sở UBND xã	Hết thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Cường	1.700	900	700	700	400	300	500	300	200
15		Giáp Tỉnh lộ 321C (nhà ông Sự)	Hết nhà ông Lợi khu Gò Thiều	1.300	720	520	520	290	210	390	220	160
16		Giáp Tỉnh lộ 321C (nhà ông Thanh Tuấn)	Nhà văn hóa khu Gò Cao	1.700	900	700	700	400	300	500	300	200
17		Giáp TL.321C (nhà ông Hành Chính)	Hết nhà ông Trần Minh Các khu Ngọn Ngòi	1.300	720	520	520	290	210	390	220	160
18		Nhà ông Sâm khu Đền Thượng	Hết đất nhà ông Thịnh khu Gò Chàm	1.000	600	400	400	250	200	300	200	100
19		Ao nhà ông Trần Công Vận	Giáp đường Liên Vùng	1.700	900	700	700	400	300	500	300	200
20		Ngã ba nhà văn hóa khu Gò Cao (Trường Mầm Non cũ)	Nhà văn hóa khu Gò Chàm	1.000	600	400	400	250	200	300	200	100
21		Nhà Văn Hóa khu Gò Thiều	Đập Hang Thạch	1.000	600	400	400	250	200	300	200	100
22		Nhà Văn hóa khu Nương Sơn	Nhà Văn hóa (khu Gò Hần)	3.400	1.900	1.400	1.400	700	500	1.000	600	400
23		Nhà Văn hóa khu Gò Hần đi khu đá Cổng	Nhà ông Thắng Vinh	1.700	900	700	700	400	300	500	300	200
24		Trạm Y tế	Nhà Văn hóa khu Bãi Danh (nhà bà Chiều)	4.300	2.400	1.700	1.700	900	700	1.300	700	500
25		Giáp đường liên vùng	Nhà ông Nguyễn Hán Khanh	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
26		Nhà ông Bùi Trọng Hoàn (khu Nương Sơn)	Nhà ông Nguyễn Hữu Chung Xuyến	3.400	1.900	1.400	1.400	700	500	1.000	600	400
27		TL.321C (nhà ông Hùng Văn) đến cầu Đung	Nhà ông Đối (khu Nương Sơn)	3.400	1.900	1.400	1.400	700	500	1.000	600	400
28		Nhà ông Cường Anh (khu Cây Da)	Nhà Văn hóa khu Cây Da	3.400	1.900	1.400	1.400	700	500	1.000	600	400
29		Nhà Văn hóa khu Cây Da	Hết đất nhà ông Luận Thắm (khu Cây Da)	2.600	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
30		Trạm Biến Thế	Hết đất nhà ông Hiệp (khu Ao Voi)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
31	Đất hai bên đường liên thôn, liên xóm (đường bê tông 5m)	Đường liên vùng	Hết đất nhà ông Giang (khu Ao Voi)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
32		Nhà ông Hùng Hoa (khu Xóm Chùa)	Hết đất nhà ông Hương Hòa (khu Xóm Chùa)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
33		Tiếp giáp Đường Liên vùng	Tiếp giáp đường ĐH48	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
34		Trung tâm Văn hóa	Đường liên vùng	2.000	1.100	800	1.000	600	400	800	400	300
35	Đất hai bên đường nhựa, bê tông rộng từ 3 m trở lên			1.300	720	520	520	290	210	390	220	160
36	Đất hai bên đường nhựa, bê tông rộng dưới 3 m			1.000	550	400	400	220	160	300	170	120
37	Đất hai bên đường đất rộng từ 3 m trở lên			900	500	360	360	200	140	270	150	110
*	**Khu tái định cư, khu đấu giá**											
38	Khu đấu giá khu Nương Sơn, xã Văn Bán	Băng 1		6.500			3.600			2.900		
39		Băng 2, 3		4.500			2.800			2.240		
40		Các băng còn lại		3.500			2.400			1.900		
41	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			430			200			120		